

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 63-HĐBT ngày 10-6-1989 về học bổng, học phí của học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị quyết về kinh tế và xã hội của Quốc hội tại kỳ họp thứ IV Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề và Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Suất học bổng toàn phần cho học sinh các trường đào tạo hệ tập trung chính quy theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước từ 1 tháng 7 năm 1989 là 22.000 đồng. Số suất học bổng toàn phần cấp cho Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề bằng 70% chỉ tiêu đào tạo theo kế hoạch Nhà nước hàng năm. Mỗi năm cấp 11 tháng học bổng. Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề hướng dẫn việc quản lý và sử dụng quỹ học bổng căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện của học sinh và chính sách xã hội của Nhà nước.

Điều 2. — Cho phép các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thu học phí đối với diện phải đóng góp như một phần kinh phí đào tạo. Giao cho Bộ Đại học — Trung học chuyên

nghiệp và Dạy nghề quy định mức học phí hợp lý tùy thuộc chi phí đào tạo và chính sách khuyến khích đối với từng ngành, nghề có chế độ miễn, giảm đối với các đối tượng ưu tiên.

Điều 3. — Quỹ học phí không trừ vào ngân sách đào tạo và được sử dụng để bồi dưỡng cán bộ giảng dạy và chi hỗ trợ cho ngân sách đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề.

Điều 4. — Bộ trưởng các Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, Bộ Tài chính, Bộ Lao động — Thương binh và xã hội và Thủ trưởng các cơ quan liên quan khác phối hợp hướng dẫn việc thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 64-HĐBT ngày 10-6-1989 ban hành bản Quy định về chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 15 tháng 3 năm 1989;

Đề thực hiện một bước đổi mới chế độ và tổ chức quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại,

đồng Bộ trưởng quy định chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Điều 2. — Bãi bỏ những điều khoản trong các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành trước đây đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trái với các điều khoản trong bản Quy định này.

Điều 3. — Bản Quy định này được thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

QUY ĐỊNH về chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

(ban hành kèm theo Nghị định số 64-HĐBT ngày 10-6-1989 của Hội đồng Bộ trưởng).

Đề thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển có hiệu quả; Hội

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phải nhằm phục vụ nền kinh tế trong nước phát triển trên cơ sở khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và thế mạnh sẵn có về lao động, đất đai và các tài nguyên khác của nền kinh tế nước ta, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân lao động, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật và quy trình công nghệ sản xuất, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước, đáp ứng các yêu cầu cơ bản và cấp bách về sản xuất và đời sống; đồng thời góp phần hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng và điều hòa cung cầu để ổn định thị trường trong nước.

Điều 2. — Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phải dựa trên sự phát triển của nền sản xuất trong nước kết hợp với việc mở rộng hợp tác sản xuất và trao đổi hàng hóa với nước ngoài, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế theo đúng đường lối đối ngoại của Nhà nước ta, trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi và không xâm phạm chủ quyền của nhau để không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại của nước ta.

Điều 3. — Nhà nước quản lý thống nhất mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu bằng pháp luật và các chế độ, chính sách có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu hoạt động đúng hướng, đạt hiệu quả cao.

Điều 4. — Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu được tiến hành theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh của tất cả các tổ

chức kinh tế tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu như tự chủ về tài chính, tự hoàn vốn bằng tiền Việt Nam và bằng ngoại tệ, tự chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Điều 5. — Phạm vi của bản Quy định này bao gồm các lĩnh vực và các đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu sau đây:

1. Về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.

a) Xuất nhập khẩu hàng hóa dưới các hình thức trao đổi hàng hóa, hợp tác sản xuất và gia công quốc tế.

b) Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, vật tư, phụ tùng cho sản xuất.

c) Tái xuất, tái nhập, chuyển khẩu.

d) Các dịch vụ như làm đại lý, ủy thác xuất, nhập khẩu cho các tổ chức kinh tế nước ngoài.

e) Hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế Việt Nam ở nước ngoài.

Việc xuất nhập khẩu hàng hóa tiểu ngạch giữa các tỉnh biên giới nước ta với các nước láng giềng có quy định riêng.

2. Về đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu.

Đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu nói trong Quy định này bao gồm các cơ sở sản xuất, chế biến, gia công hàng xuất khẩu, các tổ chức dịch vụ xuất nhập khẩu và các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu chuyên nghiệp thuộc các cấp quản lý.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Điều 6. — Nhà nước khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế đầy mạnh sản

xuất, chế biến hàng xuất khẩu bằng các chính sách đã được quy định tại Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987. Nghị định số 50-HĐBT ngày 22-3-1988; Nghị định số 27-HĐBT ngày 9-3-1988; Nghị định số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng. Cụ thể là:

1. Nhà nước khuyến khích các xí nghiệp sản xuất công nghiệp quốc doanh phát triển sản xuất chế biến hàng xuất khẩu. Các xí nghiệp có sản phẩm xuất khẩu hoặc không có sản phẩm xuất khẩu nhưng được nhập khẩu đều được bảo đảm quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ theo chính sách và cơ chế xuất, nhập khẩu của Nhà nước.

Các xí nghiệp sản xuất chế biến hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước được Nhà nước chỉ định các tổ chức kinh doanh vật tư và tổ chức xuất nhập khẩu bán vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật và mua sản phẩm theo hợp đồng kinh tế, được hưởng chế độ khuyến khích đối với hàng xuất khẩu.

2. Các công ty công tư hợp doanh hoặc hợp tác xã sản xuất chế biến hàng xuất khẩu được tùy ý chọn tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước để ủy thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Trong trường hợp này có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước; được bán sản phẩm, mua vật tư hàng hóa theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước; được tự nguyện gia nhập các tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất hàng xuất khẩu theo đúng hợp đồng kinh tế hoặc quy chế của các tổ chức liên doanh, liên kết; được liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất hoặc gia công hàng xuất khẩu theo Luật Đầu tư.

3. Các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thuộc kinh tế cá thể, tư doanh

được tùy ý chọn tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước để ủy thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế, và trong trường hợp này, có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước, bán sản phẩm, mua vật tư hàng hóa theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước; gia công hàng xuất khẩu với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước; được tự nguyện gia nhập các tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất hàng xuất khẩu; được chung vốn với các tổ chức kinh tế Nhà nước thành bên Việt Nam để liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất hàng xuất khẩu theo Luật Đầu tư.

Quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu của các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế nói trên được quy định tại điều 19 và điều 20 của bản Quy định này.

Điều 7. — Nhà nước quy định và công bố các chính sách cụ thể trong kinh doanh xuất, nhập khẩu đối với từng thị trường, từng khu vực. Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách về thị trường.

Điều 8. — Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân, căn cứ vào yêu cầu của thị trường thế giới và khả năng của ta.

Hàng năm, Nhà nước công bố danh mục các mặt hàng cấm xuất và cấm nhập. Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu thực hiện đúng các chính sách về mặt hàng.

Điều 9. — Các chỉ tiêu giao nhận hàng xuất, nhập khẩu để thực hiện Nghị định thư, hợp đồng kinh tế đã ký ở cấp Chính phủ hoặc giữa các tổ chức kinh tế của hai nước được Chính phủ bảo trợ là những chỉ tiêu pháp lệnh.

Hàng năm hoặc 6 tháng một lần, Bộ Kinh tế đối ngoại công bố danh mục các mặt hàng cần quản lý theo hạn ngạch; quy định hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng đó theo nguyên tắc đầy mạnh và bảo vệ sản xuất trong nước, nâng cao hiệu quả kinh tế trong quan hệ xuất, nhập khẩu đối với từng mặt hàng quan trọng; duyệt cấp hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các loại hàng hóa đó cho các cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu trong phạm vi tổng hạn ngạch của từng mặt hàng. Các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu muốn xuất khẩu, nhập khẩu vượt hạn ngạch được duyệt, phải được Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép.

Đối với các loại hàng hóa không quản lý theo hạn ngạch, các đơn vị kinh doanh xuất, nhập khẩu được thực hiện theo kế hoạch đăng ký tại Bộ Kinh tế đối ngoại, không hạn chế số lượng hoặc trị giá.

Điều 10. — Đối với thiết bị toàn bộ và thiết bị lẻ chuyên dùng cho cơ sở sản xuất nào thì cơ sở đó được quyền tự đứng ra (hoặc có thể ủy thác cho các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu) đàm phán, ký kết hợp đồng nhập khẩu.

Điều 11. —

a) Từ nay, các tổ chức kinh tế của các ngành, các địa phương giao hàng xuất khẩu cho trung ương để thực hiện các Nghị định thư đã ký kết với nước ngoài sẽ được thanh toán lại bằng tiền Việt Nam theo nguyên tắc bù đắp đủ chi phí hợp lý và có lãi thỏa đáng đối với từng loại sản phẩm xuất khẩu.

Các tổ chức kinh tế sẽ dùng tiền Việt Nam để mua lại những vật tư hàng hóa thiết bị cần thiết cho nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Hàng năm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối

dủ tiền Việt Nam để thanh toán hàng xuất khẩu trong Nghị định thư và vật tư hàng hóa cần thiết để bán cho các đơn vị sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu theo Nghị định thư. Giá mua hàng xuất khẩu theo Nghị định thư phải thật sự là giá thỏa thuận giữa các công ty kinh doanh xuất, nhập khẩu với các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; việc thanh toán phải bảo đảm song phẳng, kịp thời. Nếu việc thanh toán quá thời hạn quy định thì các cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu sẽ được trả một khoản tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất vay Ngân hàng trên toàn bộ số vốn và thời hạn chậm thanh toán.

b) Đối với việc xuất khẩu hàng hóa ngoài Nghị định thư hoặc sang các nước ngoài xã hội chủ nghĩa thì các tổ chức kinh doanh tự chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán hợp đồng với các tổ chức hữu quan của nước ngoài.

c) Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1989, bãi bỏ chế độ kết hối ngoại tệ, thực hiện cơ chế mua bán ngoại tệ theo tỷ giá kinh doanh. Bộ Tài chính cùng Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn cụ thể việc Nhà nước mua ngoại tệ theo cơ chế sẽ nói sau đây đối với các khoản ngoại tệ mà các đơn vị xuất khẩu thu được từ ngày 1 tháng 1 năm 1989 đến nay.

Các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu có nghĩa vụ bán cho Nhà nước theo thời giá một tỷ lệ ngoại tệ thu được có phân biệt đối với từng loại ngành hàng; phần ngoại tệ còn lại thuộc quyền sở hữu của các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu, được gửi toàn bộ vào Ngân hàng ngoại thương hoặc Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam và được hưởng lãi bằng ngoại tệ; được rút ra để sử dụng vào việc tái tạo, mở rộng nguồn hàng và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, hoặc bán cho Ngân hàng hay các tổ chức kinh tế khác trên nguyên tắc thỏa thuận theo quy định của Điều lệ quản lý ngoại hối.

Bộ Kinh tế đối ngoại, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và quy định tỷ lệ ngoại tệ bán nghĩa vụ cho Nhà nước thích hợp với từng ngành hàng. Số ngoại tệ bán nghĩa vụ này chỉ được chuyển quyền sở hữu sau khi các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu đã được thanh toán bằng tiền Việt Nam.

Điều 12. — Các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu có thể vay vốn nước ngoài để đầu tư mở rộng sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu. Các tổ chức này muốn được Ngân hàng hoặc một tổ chức kinh tế khác bảo lãnh thì phải có báo cáo kinh tế kỹ thuật, tính toán rõ hiệu quả kinh tế và điều kiện thế chấp cho việc vay ngoại tệ. Ngân hàng hoặc tổ chức kinh tế khác có quyền không bảo lãnh nếu xét thấy không có hiệu quả.

Điều 13. — Các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu có quyền tự quyết định giá mua, giá bán hàng xuất, nhập khẩu trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh doanh theo chính sách và chế độ quản lý giá của Nhà nước.

Bộ Kinh tế đối ngoại và các cơ quan chức năng có trách nhiệm quản lý thị trường, khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, nâng giá mua hàng xuất khẩu.

Bộ Kinh tế đối ngoại, các Liên đoàn, các Hiệp hội xuất, nhập khẩu hướng dẫn thị trường, giá cả để đạt được giá xuất và giá nhập có lợi nhất, không can thiệp vào quyền tự quyết định giá của các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Điều 14. — Các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu phải thực hiện đúng các cam kết về chất lượng và điều kiện về giao nhận hàng xuất, nhập khẩu theo các Hiệp định Chính phủ ta đã tham gia và các hợp đồng mà các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu đã ký kết với bên ngoài.

Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu do hai bên chủ hàng và khách

hàng tự chịu trách nhiệm qua hợp đồng (tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu được quyền tự kiểm tra chất lượng hoặc thuê tổ chức kiểm tra chất lượng khác làm dịch vụ).

Cơ quan Nhà nước có chức năng kiểm tra chất lượng có quyền thu hồi giấy phép về tự kiểm tra hàng xuất khẩu đối với tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu được tự kiểm tra mà không làm đúng chức trách của mình. Bộ Kinh tế đối ngoại có quyền thu hồi giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu đối với các cơ sở sản xuất và kinh doanh xuất, nhập khẩu không bảo đảm đúng chất lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu đã cam kết với khách hàng.

Về giao nhận hàng xuất, nhập khẩu, các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu chọn lựa phương thức có lợi nhất, có quyền tự lo liệu hoặc trực tiếp ủy thác cho các hãng tàu, các tổ chức giao nhận trong nước cũng như ngoài nước về giao nhận vận tải.

Điều 15. — Về kiểm dịch thực vật, động vật (động vật sống), tổ chức được Nhà nước chỉ định có quyền thực hiện các biện pháp kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận đối với hàng hóa nhập khẩu.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, hai bên chủ hàng và khách hàng tự chịu trách nhiệm thông qua hợp đồng giữa hai bên, theo đúng luật lệ quốc tế về kiểm dịch. Nếu khách hàng có yêu cầu, tổ chức kiểm dịch của nước ta làm dịch vụ cho khách hàng.

Điều 16. — Trường hợp được nước ngoài thưởng về kết quả hoàn thành Nghị định thư một số mặt hàng thì trích 30% số ngoại tệ được thưởng nộp vào ngân sách; phần 70% tiền thưởng còn lại, các cơ sở liên quan được sử dụng vào việc mở rộng sản xuất phục vụ xuất khẩu. Nếu bị nước ngoài phạt mà nguyên nhân là do tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu thì cơ sở phải tự trang trải các khoản nộp phạt.

Điều 17. — Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Nghị định thư không phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ngoài Nghị định thư phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm, có thể ủy quyền cho người thay mặt mình ký cấp giấy phép.

Đối với các mặt hàng có trong danh mục hàng xuất khẩu theo Nghị định thư, chỉ cấp giấy phép xuất khẩu ngoài Nghị định thư theo từng chuyến hàng hay từng hợp đồng trên cơ sở cam kết bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đã ký kết trong Nghị định thư.

Điều 18. — Tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển qua biên giới Việt Nam phải thực hiện các thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra của hải quan cửa khẩu.

Tổ chức hải quan cửa khẩu có trách nhiệm giải quyết nhanh các thủ tục, phải đền bù thiệt hại nếu do khuyết điểm của hải quan gây ra.

III. TỔ CHỨC KINH DOANH XUẤT, NHẬP KHẨU

Điều 19. — Các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu chuyên nghiệp của Nhà nước, các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thuộc thành phần kinh tế quốc doanh có đủ tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có đội ngũ cán bộ am hiểu nghiệp vụ kinh doanh xuất, nhập khẩu được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu.

Các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thuộc thành phần kinh tế tập thể, công tư hợp doanh, tư doanh và cá thể

được khuyến khích sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu; được tùy ý lựa chọn tổ chức xuất, nhập khẩu quốc doanh để ủy thác bán hàng xuất khẩu theo giá cả thỏa thuận; hoặc được xét cấp giấy phép xuất, nhập khẩu trực tiếp thường xuyên hay từng chuyến nếu có đủ những điều kiện theo quy định của Bộ Kinh tế đối ngoại. Các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế này cũng được xét cấp giấy phép đi tham quan, khảo sát, nghiên cứu thị trường, tham gia triển lãm, v.v... trên cơ sở tự trang trải các khoản chi phí.

Điều 20. — Tổ chức các Liên đoàn, Hiệp hội xuất, nhập khẩu để tập hợp những đơn vị kinh doanh chuyên ngành hoặc tổng hợp cả nước hoặc trên cùng một khu vực (bao gồm các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất, nhập khẩu, các tổ chức dịch vụ và các tổ chức khoa học kỹ thuật có liên quan trực tiếp thuộc các thành phần kinh tế) nhằm giúp đỡ nhau trong sản xuất kinh doanh xuất, nhập khẩu, tham gia quản lý thị trường, quản lý giá cả hàng xuất, nhập khẩu. Các thành viên tham gia theo nguyên tắc tự nguyện, tự bầu Hội đồng Quản trị và tự quản theo nguyên tắc dân chủ, công khai, bình đẳng, cùng có lợi.

Bộ Kinh tế đối ngoại có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan xây dựng Điều lệ mẫu về tổ chức Liên đoàn, Hiệp hội kinh doanh xuất, nhập khẩu, hướng dẫn thành lập và cấp giấy phép công nhận các tổ chức này.

Điều 21. — Mọi cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu được quyền lựa chọn bất kỳ một tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu chuyên nghiệp để ủy thác việc xuất, nhập khẩu hàng hóa theo đúng yêu cầu của mình, không bắt buộc phải ủy thác qua tổ chức xuất, nhập khẩu chuyên doanh ngành hàng hoặc tổ chức xuất, nhập khẩu của địa phương

nếu xét thấy không bảo đảm được hiệu quả kinh tế, cửa quyền hoặc gây phiền hà. Chi phí ủy thác không được thu quá 1% giá trị của hàng xuất theo giá giao lên tàu (FOB) và hàng nhập theo giá tiền hàng cộng (+) phí bảo hiểm cộng (+) cước phí (CIF).

Điều 22. — Các tổ chức sản xuất và kinh doanh được phép xuất, nhập khẩu trực tiếp có nghĩa vụ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu, hoàn thành tốt các cam kết với nước ngoài; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành nghiêm túc các chính sách, chế độ và pháp luật Nhà nước về kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Các tổ chức kinh tế này có quyền:

— Lựa chọn các hình thức kinh doanh với nước ngoài, ký kết và thực hiện các hợp đồng trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh doanh, theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

— Thông qua các hình thức liên doanh và hợp tác kinh tế (kể cả với quốc doanh và ngoài quốc doanh) để gắn kinh doanh xuất, nhập khẩu với sản xuất và được sử dụng vật tư, hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn do mình tạo ra, để đầu tư vào sản xuất, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

— Thực hiện các phương thức mua, bán ở trong nước theo đúng các luật lệ thương nghiệp nội địa, các quy định về quản lý thị trường và giá cả.

— Được nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu theo danh mục mặt hàng được phép kinh doanh xuất, nhập khẩu.

— Nếu có yêu cầu và tự trang trải mọi chi phí thì được phép đi tham quan, khảo sát, nghiên cứu thị trường, tham gia triển lãm, v.v... ở nước ngoài.

Điều 23. — Các tổ chức sản xuất và kinh doanh được phép xuất, nhập khẩu

trực tiếp phải có đăng ký, nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung hoạt động kinh doanh, vốn và cổ phần, doanh số, điều lệ tổ chức để Bộ Kinh tế đối ngoại xét và cấp giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu.

Các Công ty, Tổng công ty xuất nhập khẩu hiện đang kinh doanh cần phải làm lại đầy đủ các thủ tục cần thiết theo sự hướng dẫn của Bộ Kinh tế đối ngoại để Bộ xem xét, cấp giấy phép hoạt động;

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT, NHẬP KHẨU

Điều 24. — Mọi hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu đều phải chịu sự quản lý thống nhất của Nhà nước theo đường lối chính sách của Đảng về hoạt động kinh tế đối ngoại, quy hoạch, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước, vừa bảo đảm phát huy sự quản lý tập trung thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng, vừa bảo đảm phát huy tính năng động của các ngành, các địa phương và quyền tự chủ của các tổ chức kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, bảo vệ lợi ích của đất nước, phù hợp với pháp luật của nước ta và thông lệ quốc tế.

Điều 25. — Về xuất khẩu và nhập khẩu, Bộ Kinh tế đối ngoại có nhiệm vụ quản lý Nhà nước như sau :

— Phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành liên quan nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định chiến lược, chương trình, mục tiêu, quy hoạch và kế hoạch xuất nhập khẩu, phục vụ các mục tiêu kinh tế — xã hội của đất nước.

— Nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chính sách, cơ chế quản lý các hoạt động xuất, nhập khẩu,

ban hành theo thẩm quyền được giao các chế độ, thể lệ nhằm cụ thể hóa và thực hiện các chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

— Có quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đường lối chính sách, kế hoạch, pháp luật và cơ chế quản lý về xuất, nhập khẩu.

— Hướng dẫn về nghiệp vụ kinh doanh xuất, nhập khẩu, tổ chức thông tin kinh tế về thị trường, giá cả liên quan đến các hoạt động xuất, nhập khẩu.

— Xét duyệt hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo kế hoạch (trừ hàng phi mậu dịch); đồng thời chịu trách nhiệm quản lý chế độ cấp hạn ngạch và giấy phép xuất, nhập khẩu.

— Xét và cấp giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu cho các tổ chức kinh tế Việt Nam có đủ điều kiện được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu thường xuyên hoặc từng chuyến.

— Xét và cho phép các tổ chức kinh tế nước ngoài cử đại diện hoặc lập Văn phòng tại Việt Nam.

— Xây dựng quy hoạch và tiêu chuẩn, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý và kinh doanh xuất, nhập khẩu cho các ngành, các địa phương và các tổ chức kinh doanh.

— Tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động xuất, nhập khẩu, xử lý những vi phạm các quy định của Nhà nước về xuất, nhập khẩu, kể cả việc mua bán và hoạt động ở thị trường nước ngoài;

— Phối hợp với các Bộ, các ngành có chức năng quản lý Nhà nước để thống nhất quản lý Nhà nước các hoạt động xuất nhập khẩu và tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan tới nhiều ngành hoặc ngoài phạm vi thẩm quyền của Bộ Kinh tế đối ngoại.

— Báo cáo về các hoạt động xuất, nhập khẩu.

Điều 26. — Hội đồng Bộ trưởng thông qua Bộ Kinh tế đối ngoại để thực hiện quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu trên phạm vi cả nước.

Tại các Bộ, tùy theo tình hình cụ thể mà hình thành một bộ phận chuyên trách các hoạt động kinh tế đối ngoại để làm tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý các hoạt động về hợp tác đầu tư với nước ngoài và hoạt động xuất, nhập khẩu.

Tại các thành phố, tỉnh, đặc khu trực thuộc, tùy theo tình hình cụ thể mà có Sở kinh tế đối ngoại (hoặc Ban kinh tế đối ngoại) nằm trong Ủy ban Nhân dân, với biên chế gọn, nhẹ, bao gồm những cán bộ có năng lực để giúp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thực hiện quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn lãnh thổ theo sự phân cấp của Nhà nước.

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu chịu sự kiểm tra, kiểm soát của hệ thống quản lý Nhà nước về xuất, nhập khẩu. Các Sở hoặc Ban Kinh tế đối ngoại nói trên không phải là cơ quan chủ quản cấp trên của các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu; các cấp quản lý hành chính Nhà nước không được can thiệp vào hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu của các tổ chức đó.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. — Quy định này được thi hành từ ngày ký; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quy định này. Bộ Kinh tế đối ngoại, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác, tùy theo chức năng và nhiệm vụ, có trách nhiệm giải thích và

hướng dẫn cụ thể các điều khoản trong Quy định này.

Điều 28. — Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại, thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 135-CT ngày 14-5-1989 về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Tình hình trật tự, an toàn xã hội thời gian qua, tuy ta đã cố gắng liên tục, hạn chế được một số mặt phức tạp, nhưng vẫn diễn biến theo chiều hướng xấu, không bình thường, có mặt nghiêm trọng. Tội phạm xảy ra trên nhiều lĩnh vực và đều tăng ở hầu hết các địa phương, nhất là các thành phố lớn, các khu vực biên giới, các tuyến giao thông quan trọng, gây thiệt hại về nhiều mặt và gây bất bình, lo lắng trong nhân dân.

Bên cạnh nguyên nhân khách quan là tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn; nguyên nhân trực tiếp là nhiều vấn đề xã hội gay gắt chưa được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo đúng mức; công tác quản lý trật tự, an toàn xã hội còn